

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-34

00
C
TAC
AN
0/

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lam Hin Lap Michael	Chủ tịch	Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 11/02/2025
Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên	Từ nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 10/02/2025
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Cao Sơn	Thành viên	
Ông Võ Khánh Toàn	Thành viên	
Bà Quek Guet Nghoh	Thành viên	
Ông Lam Wai Man Edward	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Thanh Hùng - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Số: 200325.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		175.257.277.695	143.834.428.886
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.039.540.554	9.481.460.384
111	1. Tiền		15.039.540.554	9.481.460.384
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	44.000.000.000	31.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		44.000.000.000	31.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.706.365.039	15.048.532.178
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.471.362.760	12.489.252.893
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.022.460.725	118.270.310
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.242.392.439	2.777.514.531
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(29.850.885)	(336.505.556)
140	IV. Hàng tồn kho	9	92.069.048.621	86.573.406.421
141	1. Hàng tồn kho		92.309.096.349	86.813.454.149
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(240.047.728)	(240.047.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.442.323.481	1.731.029.903
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	538.469.310	390.970.933
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.505.485.170	862.408.522
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	398.369.001	477.650.448
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.141.775.093	29.544.188.986
220	II. Tài sản cố định		9.320.307.903	10.592.565.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.136.879.743	10.387.766.895
222	- Nguyên giá		77.888.793.218	75.448.942.443
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.751.913.475)	(65.061.175.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	183.428.160	204.798.432
228	- Nguyên giá		310.946.712	310.946.712
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(127.518.552)	(106.148.280)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	2.756.299.608	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.756.299.608	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	19.356.014.246	17.400.014.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.000.014.246	27.000.014.246
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.644.000.000)	(9.600.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.709.153.336	1.551.609.413
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.709.153.336	1.551.609.413
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		208.399.052.788	173.378.617.872

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		55.394.009.417	26.661.681.684
310	I. Nợ ngắn hạn		55.394.009.417	26.661.681.684
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	13.480.964.738	8.445.439.900
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		354.320.746	389.879.498
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.009.689.480	5.991.874.341
314	4. Phải trả người lao động		6.952.466.313	6.439.376.705
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.926.708.651	3.132.416.693
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	20.772.035.677	1.843.137.797
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	4.994.435.062	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		903.388.750	419.556.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		153.005.043.371	146.716.936.188
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	153.005.043.371	146.716.936.188
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		50.402.893.785	36.632.812.659
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.046.985.868	36.528.959.811
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		7.058.085.219	7.251.056.685
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		21.988.900.649	29.277.903.126
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		208.399.052.788	173.378.617.872


Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng - Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	456.806.433.853	432.058.465.302
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	8.950.731.743	8.201.604.188
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		447.855.702.110	423.856.861.114
11	4. Giá vốn hàng bán	23	336.870.312.555	322.850.642.145
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		110.985.389.555	101.006.218.969
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	3.642.699.042	3.269.150.965
22	7. Chi phí tài chính	25	8.474.103.125	10.289.011.014
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		162.695.149	9.545.384
25	8. Chi phí bán hàng	26	12.899.025.080	11.270.794.563
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	21.760.017.683	19.101.863.936
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.494.942.709	63.613.700.421
31	11. Thu nhập khác	28	1.792.784.951	331.671.505
32	12. Chi phí khác		101.971.693	2.299.831
40	13. Lợi nhuận khác		1.690.813.258	329.371.674
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		73.185.755.967	63.943.072.095
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	14.927.300.318	12.903.435.969
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		58.258.455.649	51.039.636.126
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	8.031	7.036



Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng - Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		450.518.017.144	426.631.042.913
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(327.867.983.734)		(328.084.349.504)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(41.348.664.841)		(36.967.280.634)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(123.535.569)		(9.545.384)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(15.532.790.258)		(10.778.941.472)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	25.536.074.246		29.094.126.667
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(38.551.351.028)		(33.940.570.711)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>52.629.765.960</i>	<i>45.944.481.875</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(846.410.161)	(3.081.185.580)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(98.000.000.000)	(40.066.849.315)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		85.000.000.000	19.093.589.041
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.858.232.819	1.663.091.012
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(11.988.177.342)</i>	<i>(22.391.354.842)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		34.113.677.881	2.732.600.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(28.788.873.357)	(2.732.600.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.413.466.825)	(29.049.644.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(30.088.662.301)</i>	<i>(29.049.644.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>10.552.926.317</i>	<i>(5.496.516.967)</i>
60	<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>		<i>9.481.460.384</i>	<i>14.976.997.877</i>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		<i>5.153.853</i>	<i>979.474</i>
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	3	20.039.540.554	9.481.460.384

Nguyễn Thị Thùy Dương

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng - Người lập
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 72.539.110.000 VND; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 280 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 284 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2024, sản lượng pin xuất khẩu của Công ty tăng làm cho tổng doanh thu năm nay tăng 6,03% so với năm trước. Giá nguyên liệu kẽm đầu vào có sự giảm nhẹ làm cho giá vốn đơn vị của Công ty giảm so với năm trước. Điều này khiến cho lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay tăng 11,2% so với năm 2023.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là kinh doanh pin các loại.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi vay phải trả, phải trả về chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về pin, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	126.456.149	69.724.788
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.913.084.405	9.411.735.596
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
	<u>20.039.540.554</u>	<u>9.481.460.384</u>

Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với lãi suất 4,3%/năm.

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	44.000.000.000	-	31.000.000.000	-
	<u>44.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>31.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 44.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sai Gòn Thương Tín và Ngân Hàng Thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,7%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	(7.644.000.000)	27.000.000.000	(9.600.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	14.246	-	14.246	-
	<u>27.000.014.246</u>	<u>(7.644.000.000)</u>	<u>27.000.014.246</u>	<u>(9.600.000.000)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập và hoạt động tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) trong năm thực hiện tăng vốn thêm 65.704.317.880 VND, Công ty Cổ phần Pin Hà Nội không tham gia góp vốn bổ sung. Tại thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) giảm còn 7,91% (trước đó là 9,80%).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	6.644.460.915	-	2.938.108.736	-
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	118.641.267	-	315.837.190	-
- GPI International Limited	6.525.819.648	-	-	-
- GP Battery Marketing (HK) Limited	-	-	2.622.271.546	-
<i>Bên khác</i>	5.826.901.845	(29.850.885)	9.551.144.157	(336.505.556)
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Nguyễn Thị Cúc	908.792.720	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	671.246.704	-	841.300.277	-
- Phải thu khách hàng khác	4.246.862.420	(29.850.885)	6.416.794.791	(336.505.556)
	12.471.362.760	(29.850.885)	12.489.252.893	(336.505.556)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	1.022.460.725	-	118.270.310	-
- PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	906.228.419	-	-	-
- Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	60.407.437	-	27.883.438	-
- Công ty TNHH INTERTEK	48.803.969	-	30.759.292	-
- Các đối tượng khác	7.020.900	-	59.627.581	-
	1.022.460.725	-	118.270.310	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi	1.320.049.315	-	836.375.340	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	199.790.964	-	196.894.999	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	27.396.870	-	20.613.568	-
- Phải thu về bảo hiểm thất	17.328.920	-	15.466.497	-
- Tạm ứng	265.656.304	-	221.980.411	-
- Ký cược, ký quỹ	1.255.700.000	-	1.315.700.000	-
- Phải thu khác	156.470.066	-	170.483.716	-
	3.242.392.439	-	2.777.514.531	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	132.258.568	-	78.223.524	-
- GPI International Limited	6.258.568	-	6.258.568	-
- GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	126.000.000	-	71.964.956	-
Bên khác	3.110.133.871	-	2.699.291.007	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Thanh Trì Hà Nội	924.145.205	-	503.416.437	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	395.904.110	-	332.958.903	-
- Các đối tượng khác	1.790.084.556	-	1.862.915.667	-
	3.242.392.439	-	2.777.514.531	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	-	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	-	-	29.360.789	-
- Các khoản khác	29.850.885	-	255.604.387	-
	<u>29.850.885</u>	<u>-</u>	<u>336.505.556</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.343.683.508	(240.047.728)	67.122.661.016	(240.047.728)
Công cụ, dụng cụ	58.309.321	-	79.365.883	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.991.849.757	-	3.169.797.328	-
Thành phẩm	13.200.513.054	-	14.721.419.847	-
Hàng hoá	3.714.740.709	-	1.720.210.075	-
	<u>92.309.096.349</u>	<u>(240.047.728)</u>	<u>86.813.454.149</u>	<u>(240.047.728)</u>

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	402.861.600	-
- Chi phí làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	402.861.600	-
Mua sắm tài sản cố định	2.353.438.008	-
- Hệ thống dây chuyền máy đóng gói pin R6 650 và máy cắt via (*)	2.353.438.008	-
	<u>2.756.299.608</u>	<u>-</u>

(*) Tháng 11/2024, Công ty mua sắm Hệ thống dây chuyền máy đóng gói pin R6 650 và máy cắt via của Công ty Pingxiang Shi Chengtai Trading Co.,Ltd với tổng giá trị hợp đồng 672.800 NDT. Tại thời điểm 31/12/2024, Hệ thống đã được lắp đặt và đang trong quá trình chạy thử, dự kiến sẽ đi vào hoạt động chính thức trong quý I năm 2025.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.895.731.167	56.617.645.497	6.480.452.415	455.113.364	75.448.942.443
- Mua trong năm	-	2.405.372.591	374.811.517	-	2.780.184.108
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(340.333.333)	-	(340.333.333)
Số dư cuối năm	11.895.731.167	59.023.018.088	6.514.930.599	455.113.364	77.888.793.218
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.895.731.167	47.112.550.095	5.646.987.899	405.906.387	65.061.175.548
- Khấu hao trong năm	-	3.763.029.254	240.711.021	27.330.985	4.031.071.260
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(340.333.333)	-	(340.333.333)
Số dư cuối năm	11.895.731.167	50.875.579.349	5.547.365.587	433.237.372	68.751.913.475
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	9.505.095.402	833.464.516	49.206.977	10.387.766.895
Tại ngày cuối năm	-	8.147.438.739	967.565.012	21.875.992	9.136.879.743

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 46.463.469.002 VND.

K/ A G H Q B

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	310.946.712
Số dư cuối năm	<u>310.946.712</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	106.148.280
- Khấu hao trong năm	21.370.272
Số dư cuối năm	<u>127.518.552</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	204.798.432
Tại ngày cuối năm	<u>183.428.160</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.244.000 VND

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	77.759.748	75.713.767
Chi phí mua bảo hiểm	26.462.719	21.419.104
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	319.167.676	164.692.229
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	115.079.167	129.145.833
	<u>538.469.310</u>	<u>390.970.933</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	345.132.996	347.330.067
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.217.407.513	1.095.419.093
Chi phí trả trước dài hạn khác	146.612.827	108.860.253
	<u>1.709.153.336</u>	<u>1.551.609.413</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	1.294.232.356	1.294.232.356	535.759.267	535.759.267
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1.294.232.356	1.294.232.356	535.759.267	535.759.267
Bên khác	12.186.732.382	12.186.732.382	7.909.680.633	7.909.680.633
V-RESOURCE LIMITED	6.662.745.600	6.662.745.600	3.319.920.000	3.319.920.000
GUANGXI GUILIU NEW MATERIAL	3.990.555.180	3.990.555.180	3.287.908.800	3.287.908.800
Phải trả nhà cung cấp khác	1.533.431.602	1.533.431.602	1.301.851.833	1.301.851.833
	<u>13.480.964.738</u>	<u>13.480.964.738</u>	<u>8.445.439.900</u>	<u>8.445.439.900</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		15.285.792.474		15.285.792.474		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	477.650.448		-		405.515.635		326.234.188		398.369.001		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		5.396.747.169		15.063.343.407		15.532.790.258		-		4.927.300.318	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		591.654.645		1.527.022.025		2.040.643.714		-		78.032.956	
Thuế Tài nguyên	-		-		4.033.250		4.033.250		-		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		4.299.561.469		4.299.561.469		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		4.000.000		4.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		3.472.527		119.873.923		118.990.244		-		4.356.206	
	477.650.448		5.991.874.341		36.709.142.183		37.612.045.597		398.369.001		5.009.689.480	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.974.152.762	1.574.994.873
- Chi phí phải trả khác	952.555.889	1.557.421.820
	2.926.708.651	3.132.416.693

17 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	154.230.024	85.316.284
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.815.781.542	1.522.395.014
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.524.907.000	49.513.500
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	141.000.000	111.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	136.117.111	74.912.999
	20.772.035.677	1.843.137.797

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI
Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (*)	-	-	34.113.677.881	29.119.242.819	4.994.435.062	4.994.435.062
	-	-	34.113.677.881	29.119.242.819	4.994.435.062	4.994.435.062

(*) Hợp đồng tín dụng số 1702LAV240087300 ngày 20/08/2024, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C để sản xuất kinh doanh mặt hàng pin các loại;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 19/08/2025;
- + Lãi suất cho vay: Quy định trên từng Khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối tại thời điểm cuối năm: 4.994.435.062 VND.
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng đảm bảo với bên cho vay và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718	26.548.272.308	25.302.362.351	125.405.798.377	-	51.039.636.126	51.039.636.126	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(710.000.000)	(710.000.000)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	10.084.540.351	(10.794.540.351)	(7.253.911.000)	(7.253.911.000)	(21.761.733.000)	(21.761.733.000)	
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2022	-	-	-	-	-	-	(2.854.315)	(2.854.315)	
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	-	-	-	-	36.528.959.811	36.528.959.811	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718	36.632.812.659	36.528.959.811	146.716.936.188	146.716.936.188	58.258.455.649	58.258.455.649	
Số dư đầu năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	36.632.812.659	36.528.959.811	146.716.936.188	146.716.936.188	58.258.455.649	58.258.455.649	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(14.507.822.000)	(14.507.822.000)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	13.770.081.126	(14.770.081.126)	(14.507.822.000)	(14.507.822.000)	(36.269.555.000)	(36.269.555.000)	
Chi trả cổ tức năm 2023 ^(*)	-	-	-	-	-	-	(192.971.466)	(192.971.466)	
Tạm ứng cổ tức năm 2024 ^(**)	-	-	-	-	-	-	29.046.985.868	29.046.985.868	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	50.402.893.785	29.046.985.868	153.005.043.371	153.005.043.371	14.507.822.000	14.507.822.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 29/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận trong năm như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	58.290.692.811
Trích Quỹ đầu tư phát triển	23,62%	13.770.081.126
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,72%	1.000.000.000
Chi trả cổ tức năm 2023 (bằng 50% vốn điều lệ)	62,22%	36.269.555.000
<i>Đã tạm ứng lần 1, trong tháng 11/2023: 30%</i>		21.761.733.000
<i>Chi trả cổ tức năm 2023 lần 2: 20%</i>		14.507.822.000
Lợi nhuận chưa phân phối	12,44%	7.251.056.685

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 04 năm 2024 và số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2024, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024 đợt 1 và đợt 2 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức lần lượt là 30%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 3.000 VND) và 20%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 2.000 VND) tổng số tiền tạm ứng là 36.269.555.000 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND
GP Batteries International Limited	49,00%	35.542.330.000	49,00%	35.542.330.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Các cổ đông khác	45,98%	33.353.280.000	45,98%	33.353.280.000
	<u>100%</u>	<u>72.539.110.000</u>	<u>100%</u>	<u>72.539.110.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.539.110.000	72.539.110.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<u>72.539.110.000</u>	<u>72.539.110.000</u>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>72.539.110.000</u>	<u>72.539.110.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.253.911	7.253.911
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	50.402.893.785	36.632.812.659
	<u>50.402.893.785</u>	<u>36.632.812.659</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	UBND Thành phố Hà Nội	Số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m ²	50 năm
2	UBND Thành phố Hà Nội	Số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m ²	Gia hạn từng năm

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	35.286,45	8.480,35

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
	679.028.015	372.373.344

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	422.316.025.664	391.752.235.210
Doanh thu bán hàng hóa	10.131.771.021	7.691.182.312
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	21.040.024.304	29.226.048.421
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.318.612.864	3.388.999.359
	456.806.433.853	432.058.465.302
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	66.960.396.007	58.645.860.501

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	8.883.296.827	8.021.752.630
Hàng bán bị trả lại	67.434.916	179.851.558
	8.950.731.743	8.201.604.188

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	307.777.110.888	288.132.409.365
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.091.856.833	5.752.601.532
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	20.834.030.154	28.804.431.104
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	167.314.680	161.200.144
	336.870.312.555	322.850.642.145

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	23.309.498.397	11.443.131.041
-----------------------	-----------------------	-----------------------

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.341.906.794	2.382.206.078
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.188.318.730	886.944.887
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	112.473.518	-
	3.642.699.042	3.269.150.965

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	162.695.149	9.545.384
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	8.127.176.073	7.065.047.724
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.140.231.903	1.274.191.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	165.226.448
Dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(1.956.000.000)	1.775.000.000
	8.474.103.125	10.289.011.014

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.716.465.453	1.269.496.341
Chi phí nhân công	5.577.402.424	5.108.340.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.190.003	135.606.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.252.699.725	2.787.046.564
Chi phí khác bằng tiền	2.224.267.475	1.970.304.372
	12.899.025.080	11.270.794.563

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.714.149	191.106.796
Chi phí nhân công	11.274.720.551	9.746.345.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.222.275	204.856.801
Thuế, phí, lệ phí	4.303.561.469	4.108.247.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.191.878	827.919.695
Chi phí khác bằng tiền	5.066.607.361	4.023.387.071
	21.760.017.683	19.101.863.936

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	36.363.636	-
Tiền bồi thường thu được	-	307.636.839
Tiền hỗ trợ chính sách bán hàng của GP Battery Marketing (HK) Limited	1.753.886.790	-
Thu nhập khác	2.534.525	24.034.666
	1.792.784.951	331.671.505
Trong đó: Thu từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	1.753.886.790	307.636.838

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.185.755.967	63.943.072.095
Các khoản điều chỉnh tăng	1.476.550.805	574.107.749
- Chi phí không hợp lệ	1.476.550.805	573.821.318
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	286.431
Các khoản điều chỉnh giảm	(25.805.181)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(25.805.181)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	74.636.501.591	64.517.179.844
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	14.927.300.318	12.903.435.969
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	136.043.089	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	5.396.747.169	3.272.252.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(15.532.790.258)	(10.778.941.472)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.927.300.318	5.396.747.169

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	58.258.455.649	51.039.636.126
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	58.258.455.649	51.039.636.126
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.253.911	7.253.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.031	7.036

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	283.331.852.552	278.409.390.974
Chi phí nhân công	53.232.092.753	49.536.668.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.052.441.532	4.192.174.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.195.627.384	5.741.319.491
Chi phí khác bằng tiền	12.403.746.686	13.826.887.053
	360.215.760.907	351.706.440.217

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.913.084.405	-	-	19.913.084.405
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.713.755.199	-	-	15.713.755.199
Các khoản cho vay	44.000.000.000	-	-	44.000.000.000
	79.626.839.604	-	-	79.626.839.604
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.411.735.596	-	-	9.411.735.596
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.266.767.424	-	-	15.266.767.424
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
	55.678.503.020	-	-	55.678.503.020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	4.994.435.062	-	-	4.994.435.062
Phải trả người bán, phải trả khác	34.253.000.415	-	-	34.253.000.415
Chi phí phải trả	2.926.708.651	-	-	2.926.708.651
	42.174.144.128	-	-	42.174.144.128
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.288.577.697	-	-	10.288.577.697
Chi phí phải trả	3.132.416.693	-	-	3.132.416.693
	13.420.994.390	-	-	13.420.994.390

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
GP Batteries International Limited Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể Bà Quêc Guet Ngho, ông Nguyễn Thanh Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của Công ty và ông Võ Khánh Toàn - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc của Công ty đồng thời là các Ủy viên Hội đồng thành viên của Công ty này
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International (Shenzhen) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Acoustics (China) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển,
huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	66.960.396.007	58.645.860.501
GPI International Limited	21.969.467.592	20.693.700.984
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	18.884.061.258	27.027.475.246
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	26.106.867.157	10.924.684.271
Mua hàng	23.309.498.397	11.443.131.041
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	13.747.529.271	8.252.909.500
GPI International (Shenzhen) Limited	9.561.969.126	3.190.221.541
Thu nhập khác	1.753.886.790	307.636.838
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	1.753.886.790	307.636.838
Chia cổ tức	7.108.466.000	2.176.333.000
GP Batteries International Limited	7.108.466.000	2.176.333.000

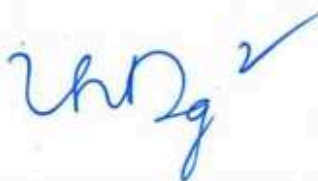
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và người quản lý khác của Công ty:		
Ông Lam Hin Lap Michael - Chủ tịch Hội đồng quản trị Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 11/02/2025	48.500.000	42.375.000
Ông Phạm Văn Nghĩa - Thành viên Hội đồng quản trị Từ nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 10/02/2025	223.888.889	247.777.776
Ông Nguyễn Thanh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	649.122.885	586.680.720
Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	521.080.681	465.422.485
Ông Võ Khánh Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	541.388.812	476.315.964
Bà Quek Guet Nghoh - Thành viên Hội đồng quản trị	75.062.500	11.500.000
Ông Lam Wai Man Edward - Thành viên Hội đồng quản trị	40.000.000	-
Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát		
Bà Nguyễn Thanh Hải - Trưởng Ban kiểm soát	201.888.888	99.333.333
Ông Nguyễn Thanh Đức - Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Tín Đình - Thành viên Ban kiểm soát	56.333.333	100.500.001

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Nguyễn Thị Thùy Dương
 Kế toán trưởng - Người lập
 Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025



 Nguyễn Thanh Hùng
 Giám đốc